

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT NHÌN TỪ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

PHONG LÊ^(*)

Trước hết, đó là sự gặp gỡ giữa hai đầu thế kỷ XX, tức là giữa mục tiêu Canh tân của các nhà Nho chí sĩ đầu thế kỷ và mục tiêu Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam phát động và lãnh đạo vào cuối thế kỷ. Là sự nhìn nhận Đổi mới văn học-nghệ thuật trước hết là hệ quả của những đổi thay trong đời sống kinh tế-chính trị. Đồng thời tự bản thân văn học-nghệ thuật cũng có những quy luật nội tại riêng và tự chuyển động trong tương quan với kinh tế-chính trị.

Tiếp đó, là các vấn đề cụ thể của lý luận như tự do sáng tạo và trách nhiệm công dân; là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, tư tưởng và nghệ thuật, trường phái và phong cách, chất liệu và giọng điệu..., là việc mở rộng các chức năng quen thuộc của văn học-nghệ thuật.

Và cuối cùng là việc nhận rõ nguyên nhân của sự vắng thiếu các tác phẩm đỉnh cao là nằm trong những hạn chế về phía chủ quan của người nghệ sĩ trên cả ba phương diện: tài năng, tâm huyết và tâm vóc, để có phương hướng chuẩn bị tích cực cho một bước ngoặt cần đến sự xuất hiện và đóng vai trò chủ lực của một thế hệ trẻ, sản phẩm của chính cái thời của chúng ta đang sống hôm nay-thời mở đầu thế kỷ XXI.

Đời sống văn hóa, văn học nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, diễn ra đã ngót 20 năm. Nhìn lại lịch sử, những chu kỳ trên dưới 10 năm trong thế kỷ XX thường có những bước ngoặt. Trong đời sống chính trị, xã hội, văn hóa, ba thập niên đầu thế kỷ là sự luân lưu, chuyển giao vai trò lịch sử từ tầng lớp văn thân, sĩ phu chịu ảnh hưởng Tân thư sang các tầng lớp trí thức kết hợp Nho học - Tây học, rồi chuyển sang thế hệ thuần Tây học. Trọn vẹn thập niên 30 và nửa

đầu 40, nếu trong đời sống chính trị là sự chuyển giao dần quyền lãnh đạo cách mạng cho những người mácxít và cộng sản thì đời sống văn hóa, trước nhu cầu Canh tân, phát triển văn chương, học thuật lại đã diễn ra cả một cuộc cách mạng sôi nổi với gia tốc lịch sử trên khắp các lĩnh vực thơ ca, văn xuôi, sân khấu, dịch thuật, khảo cứu, lý luận, phê bình..., và âm nhạc, hội họa... Một cuộc cách mạng cơ bản làm định hình và ổn định toàn bộ các khuôn

^(*) GS. Viện Văn học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam

hình thể loại cho suốt cả thế kỷ. Mười năm sau Cách mạng tháng Tám - 1945 là cuộc kháng chiến chống Pháp, làm chuyển đổi và tạo dựng một nền văn nghệ dân tộc - hiện thực - nhân dân, với mục tiêu xây dựng một nền văn nghệ nhân dân. Mười năm hình thành phương án xây dựng CNXH theo mô hình Liên Xô ở miền Bắc và thiết lập một chế độ thân Mỹ diệt Cộng ở miền Nam, tính từ sau 1954, tạo nên tình thế cùng tồn tại hai nền văn hóa, văn học - nghệ thuật khác nhau, có mặt đối lập nhau. Mười năm chiến tranh ác liệt trên cả hai miền đất nước trong thế lưỡng cực của thế giới, và cuộc chiến nóng và lạnh giữa hai phe, tính từ sau 1965, gắn với một nền văn học - nghệ thuật trong chiến tranh và phục vụ cho chiến tranh. Mười năm đất nước thống nhất, tính từ sau 1975, với những bối rối và trì trệ trong một mô hình bao cấp về CNXH. Rồi ngót 20 năm Đổi mới trong tình thế phe XHCN tan vỡ, đất nước dần dần thoát ra khỏi tình thế khủng hoảng và cô lập với khu vực và nhân loại.

Tổng gộp lại cả thế kỷ XX - đó là một thế kỷ cực kỳ sôi động trong những biến thiên, những đổi thay và kiếm tìm. Thế nhưng có một điều, cũng phải đến cuối thế kỷ mới thật sự hiện rõ, đó là *sự gặp gỡ giữa hai mục tiêu: Canh tân và Đổi mới ở hai đầu thế kỷ*. Sự gặp gỡ đó nói một điều thật sâu xa, bên bở, nằm trong mạch sâu những nhu cầu bức xúc của dân tộc: đó là nhu cầu *phát triển* và *giao lưu*; muốn phát triển phải có giao lưu (thoát ra khỏi tình thế cô lập, phong bế); và muốn giao lưu (hội nhập) thì dân tộc phải phát triển.

Hai nhu cầu này diễn ra đồng thời, như là tiền đề của nhau và xuất hiện ngay từ đầu thế kỷ XX. Thế nhưng sau cuộc chuyển giao lịch sử giữa hai thế kỷ, XIX và XX, cả dân tộc đã phải mất ngót

bốn mươi năm dồn sức vào công cuộc giải phóng đất nước ra khỏi ách thực dân và giành phần thắng trong hai cuộc chiến tranh. Phải sau khi sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước hoàn thành thì nhu cầu *phát triển* mới thật sự nổi lên như một nhiệm vụ bức thiết và bao trùm. Một sự phát triển toàn diện từ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, văn học - nghệ thuật... Một nhu cầu phát triển nhằm đưa dân tộc hội nhập vào thế giới, đưa đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần của nhân dân lên một tầng cao, không phải chỉ trong đối sánh với quá khứ mà chính là trong đối sánh với khu vực và nhân loại.

Đó là mục tiêu mà những khởi động đầu tiên của nó đã diễn ra ngay từ thập niên đầu thế kỷ, thế nhưng phải đến cuối thế kỷ mới thật sự được tiến hành. Thời điểm chính thức của sự khởi công này đã diễn ra vào tháng 12 năm 1986, năm tiến hành Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, năm khởi đầu một sự nghiệp có tên là Đổi mới.

x

x x

Thành tựu của Đổi mới văn học nghệ thuật trước hết là hệ quả của những chuyển động trong đời sống kinh tế, chính trị. Sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, và sự chấp nhận hoạt động của thị trường theo quy luật cạnh tranh; sự mở rộng các mối giao lưu với khu vực và thế giới; sự mở rộng nền dân chủ theo định hướng XHCN; sự theo đuổi mục tiêu ổn định về chính trị... đó là các tiền đề có tầm bao quát chi phối mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội. Câu trả lời cho các vấn đề ở tầm bao quát này khách quan sẽ là định hướng chung cho sự phát triển văn hóa, văn học - nghệ thuật.

Mặt khác, tự bản thân văn học - nghệ

thuật cũng có những nhu cầu của *chính bản thân nó*, cũng có những quy luật nội tại riêng, cũng tự chuyển động và biến đổi trong tương quan với kinh tế, chính trị. Văn học đã chuyển sang một giai đoạn mới, mang một chất lượng mới trên cơ sở một cảm hứng mới về sự thật; trên một quan niệm nghệ thuật mới về con người; trên sự mở rộng (hoặc trở về) những đặc trưng và thiên chức của văn chương - nghệ thuật; trên sự gắn bó tự nguyện và khăng khít hơn với các nhu cầu của công chúng thật sự mở rộng và thay đổi; trên ý thức về những tìm tòi trong phong cách, giọng điệu; và trên những kết quả của giao lưu có chiều mở để chuyển sang một trạng thái mới phong phú, đa dạng, nhưng lại có nhiều mặt phức tạp.

Một cái *được* có đi kèm với cái chưa được, bắt nguồn từ những đổi thay và tạo nên bao đổi thay trong không ít các quan niệm, từng chi phối đời sống sáng tác, lý luận, phê bình văn học - nghệ thuật, không chỉ riêng trên đất nước ta mà là chung trong toàn phe XHCN nay đã tan vỡ. Và cố nhiên nó đã diễn ra không theo một lược đồ đơn giản, cũng không hoàn toàn trong một bầu không khí êm đềm. Nó đã phải tìm đường đi qua nhiều thử nghiệm, tranh cãi, cùng không ít va chạm, mất mát; đó quả là đáng tiếc, nhưng cũng là khó tránh trong một sự nghiệp thật sự mang tính cách mạng như sự nghiệp Đổi mới nhằm đưa đất nước vào quỹ đạo của sự phát triển, sự trưởng thành. Một sự nghiệp mà tầm vóc có thể so sánh với cuộc Cách mạng tháng Tám - 1945, làm chuyển đổi số phận dân tộc.

Trở lại với thành tựu của văn học - nghệ thuật trong Đổi mới, theo tôi, trước hết và chủ yếu, đó là một *cảm hứng mới về sự thật* và *một khát vọng lớn về dân chủ*. Sự thật được khơi sâu vào nhiều tầng hơn

và nhu cầu dân chủ là khẩn thiết hơn. Do thế mà bức tranh chung của cuộc sống qua văn học - nghệ thuật trong hơn hai thập niên qua quả là không thiếu một số mảng màu ảm đạm, nhìn vào không dễ lạc quan. Nhưng “không dễ lạc quan” không có nghĩa là rơi vào bi quan. Một thái độ đúng và biện chứng là không nghiêng về phía nào trong cả hai cực bi quan và lạc quan. Vì lịch sử và cuộc sống là đi giữa hai cực ấy. Lịch sử dân tộc là vậy, và lịch sử văn học cũng vậy. Lịch sử dân tộc đã từng được nhấn mạnh với *Hịch tướng sĩ*, *Đại cáo bình Ngô*... Nhưng lịch sử cũng có tiếng khóc lớn trong *Đoạn trường tân thanh* và *Chinh phụ ngâm*... Lịch sử gần hơn có hào khí Đồng Nai, nhưng lịch sử cũng đã có những trang bi phẫn ở Cao Bá Quát, Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ, rồi hai cụ Phan đầu thế kỷ. Lịch sử có chiến thắng trong chiến tranh, nhưng lại có hậu quả sau chiến tranh. Có người nói, rồi thì lịch sử chỉ lưu lại *Hịch tướng sĩ*, *Đại cáo bình Ngô* còn thì sẽ quên đi mọi thứ khác. Sự thật đã không diễn ra như thế. Lịch sử là cân bằng, là công bằng, là gồm cả hai mặt. Chỉ có điều ta thường quen khai thác một mặt, hoặc đã cố tình quên đi những mặt khác.

Và khát vọng dân chủ, nếu đã có ngay sau Cách mạng tháng Tám, và giữ được trọn vẹn sau hai cuộc chiến tranh thì Đại hội VI đâu cần đến một khẩu hiệu làm chấn động lòng người như thế: “Lấy dân làm gốc”. Cố nhiên từ phương châm, khẩu hiệu đến việc thực thi còn là một chặng đường dài với rất lắm gian nan; và cũng khó biết đến lúc nào là cùng. Và văn học - nghệ thuật trong hơn hai thập niên qua đã lĩnh sứ mệnh nói lên một cách riết róng khát vọng khẩn thiết đó.

Dễ dàng thấy sự hưởng ứng từ hai phía của công chúng đối với các sáng tác

gọi là “có vấn đề” hôm nay: khen và chê, đồng tình và phản đối; nhiều luồng dư luận không chỉ khác nhau mà còn ngược nhau. Kể cả các giải thưởng được trao bởi các Ban giám khảo hoặc các Hội nghề nghiệp. Thì biết làm sao, nếu ta chấp nhận có tự do sáng tác thì cũng có tự do phê bình trong một đời sống văn học còn đầy trăn trở, còn đang đi tìm một hướng mở trong cái định hướng bao quát chung là CNXH, không theo mô hình của tư duy cũ.

Nếu thực trạng chung được phác họa như trên được chấp nhận, hoặc tạm có thể chấp nhận thì việc đánh giá đời sống văn học hôm nay rất cần một thái độ bình tĩnh, để vừa có thể thấy hết mặt chủ yếu là các giá trị mới mà nó đã mang lại, vừa không hoang mang trước những mặt xấu, những mặt phức tạp tất yếu đã và sẽ còn diễn ra khi đời sống đang trong gấp khúc và chuyển đổi.

Đánh giá tình hình văn học hôm nay cũng không thể tách rời với nhận thức về cái hôm qua. Nếu văn học hôm nay là một bức tranh phức tạp, một bảng vẽ nhiều màu trong đó có cả hai mặt sáng tối, nhưng đừng quên có các giá trị mới, thì việc nhìn lại hôm qua cần trên quan điểm lịch sử để khẳng định các thành tựu, nhưng cũng không thể không thấy có những mặt hạn chế, sai lầm. “Có một thời như thế không?”, là vấn đề đặt ra trong một cuộc tranh luận diễn ra ngót chục năm trước đây. Chiến tranh là một tình thế bắt buộc của lịch sử. Chiến tranh khơi động và nâng cao chủ nghĩa anh hùng của dân tộc như được thể hiện trong các sáng tạo văn học - nghệ thuật; nhưng chiến tranh cũng hạn chế nhiều mặt phát triển của đời sống văn học - nghệ thuật. Có người từng nói đến tình hình Liên Xô cũ qua các cuộc thanh trừng trong các giới trí thức, văn hóa, văn nghệ, không phải

chờ đến thời kỳ Staline mà đã diễn ra ngay từ những năm 20 trở đi; hoặc tình hình Trung Hoa, qua Đại cách mạng văn hóa vô sản, hàng chục triệu người thiệt mạng, hàng nghìn vạn văn nghệ sĩ, trí thức bị truy đuổi, bức hại, cầm tù... rồi so sánh với ta, để thấy các vụ, việc ở ta tuy cũng có diễn ra nhưng vẫn là nhẹ nhàng hơn. Quả là, nếu đặt vào những so sánh như trên, thì tình thế ở ta là không quá bi quan. Nhưng sự thật vẫn là có, và quả là khó tránh. Điều may mắn là các vụ, việc diễn ra trong nhiều năm trước đây dần dần đã được soát xét lại trên cách nhìn Đổi mới; nhưng do phải chờ đến Đổi mới nên nhiều vụ việc đã bị kéo quá dài, những trên dưới 30 năm, cho những người đã quá “án” hoặc không thành “án”. Như vậy là cũng đã có những tổn thương, những mất mát không cần thiết, và đã có “sửa sai” trong văn nghệ. Người làm lý luận và văn học sử khi trở lại một thời đã qua cần phải ghi nhận tất cả mọi mặt của nó, có mặt phải và mặt trái, cả những mặt còn bị che khuất hoặc mờ tối để dựng lại cho thật trung thực và sáng rõ bức tranh lịch sử; và nếu thấy “có một thời như thế” thật thì cũng là cách trả lại sự công bằng cho lịch sử, chứ chẳng có gì đáng phải hoảng hốt. Lịch sử đã trôi theo dòng chảy, không thể quay trở lại. Nhưng ký ức tinh thần của con người về lịch sử thì luôn luôn được lưu giữ, như một nhấn nhủ và nhắc nhở.

x

x x

Kết quả của đổi mới trong văn học - nghệ thuật có nguyên nhân sâu xa trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhưng xét riêng vào văn học thì nguyên nhân trực tiếp vẫn phải là một nhân tố tinh thần - đó là sự *tự do sáng tạo*, có khởi điểm từ nhu cầu “cởi trói”

năm 1987 - một nhu cầu tự do trở nên thật sự bức xúc, và một phạm vi tự do có được mở rộng hơn. Yêu cầu tự do sáng tạo, tưởng như là lẽ đương nhiên trong nhiều chục năm qua, tưởng như không còn vấn đề gì phải bàn bạc, không còn khía cạnh gì để tháo gỡ bỗng nổi lên như một nhu cầu bức xúc - nó cho thấy, thì ra nền dân chủ XHCN như trước đây ta quen ca ngợi vẫn còn nhiều vướng mắc; những nguyên tắc lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước vẫn còn có mặt chật chội; những ràng buộc đến từ nhiều phía, không chỉ ở tầng trên mà cả trong tâm thế tiếp nhận của công chúng, và ngay nơi bản thân người viết, khiến cho sự sáng tạo trên mọi lĩnh vực văn học, nghệ thuật là chưa thể đạt tới các mục tiêu lớn. Những mục tiêu không lúc nào không được nêu lên qua các Báo cáo tổng kết và các kỳ Đại hội của giới nghệ nghiệp; có lúc tưởng như đã ở trong tâm tay như năm 1983, năm Đại hội các nhà văn lần thứ III, cũng là năm đất nước thật sự bước vào thời kỳ tiền khủng hoảng...

Một nền văn học lớn - ai mà không ao ước và lúc nào mà chúng ta không ao ước! Và tự do, không khí tự do sáng tạo xem ra là điều kiện cần thiết để thực hiện sự ao ước đó. Thế nhưng tự do cũng lại là vấn đề không thể đòi hỏi và thẩm định một cách siêu hình, cô lập với bối cảnh. Tự do gắn với tất yếu, là tất yếu được nhận thức. Tự do đi kèm với trách nhiệm. "Tự do của anh dừng lại nơi tự do của tôi bắt đầu" (Anatole France). Do vậy mà những gì công cuộc Đổi mới văn học đã mang lại được là đi trên hai đường ray ấy. Sự mở rộng và có phần thoáng đảng hơn trong đề tài; những cách thức quản lý có phần cởi mở hơn trước; sự tôn trọng các chủ thể sáng tạo với ý thức nghệ sĩ dần có

đi đến cùng tư cách nghệ sĩ, nhưng không đối lập với trách nhiệm công dân, không đặt mình ra ngoài tình thế chung của đất nước, của nhân dân còn bao khó khăn và hệ lụy; nói cách khác, trong một tương quan khăng khít: nhà văn và công chúng; nhưng để đến với công chúng, vẫn còn những khâu không được phép bỏ qua - đó là tình thế mới của đất nước - dân tộc - thời đại.

Trở lại câu chuyện tự do sáng tạo trong văn học vốn là câu chuyện thường xuyên được đặt ra, nhưng lại có khía cạnh mới trong hoàn cảnh hôm nay. Thoát khỏi thế phẳng lặng nhất trí trên văn học miền Bắc và tình thế lộn xộn của văn học miền Nam những năm 1954-1975, văn học trong giao điểm những năm 80 và 90 đang đi vào một thời kỳ bế bộn, phức tạp trong việc đi tìm những cách thức tiếp cận mới, không theo các khuôn hình cũ, rõ ràng là dấu hiệu của sự phát triển, nhưng là phát triển trong hai bờ được mất, tốt xấu, hay dở... Nói sự phát triển là bao hàm nhiều hiện trạng, nhiều khả năng; tức là nói con người vẫn luôn luôn đứng trước các thử thách; nhưng dấu là thách thức lớn, và dấu có cái dở, cái giả, cái mất, thì cái Được vẫn là cơ bản, *cái hôm nay* vẫn là đáng giá.

Những đối sánh mới của văn học, trước yêu cầu phát triển theo phương hướng giao lưu và hòa nhập vào một thế giới rộng lớn, trước đây có mặt là xa lạ, cũng là cơ sở thúc đẩy sự phát triển chung của văn học. Những giao lưu và hòa nhập mới chỉ là từng phần, và còn dè dặt; dấu muốn hoặc không vẫn cứ là một thực thể tác động mạnh mẽ vào diện mạo văn chương ở giai đoạn mới này. Nó giúp cho nhìn lại mình để bớt những lạc quan dễ dãi. Giúp cho sự điều chỉnh cách nhìn khe khát với thế giới ngoài mình, như

trước đây. Và quan trọng hơn, nó giúp vào một định hướng chung: không cô lập với thế giới, nhưng cũng không đánh mất bản thân trong sự hòa tan vào thế giới.

x

x x

Sự nhấn mạnh chức năng giáo dục của văn học trong nhiều chục năm qua lẽ tự nhiên gắn bó với sự quan tâm trước hết vào nội dung tư tưởng của tác phẩm. Nội dung và hình thức, tư tưởng và nghệ thuật, chất liệu và giọng điệu... đó là những vế gắn bó hữu cơ tạo thành chỉnh thể tác phẩm. Và ở những đỉnh cao văn chương - đó là một sự kết hợp trọn vẹn đến mức có thể nói như là kết quả của một sự nội dung hóa nghệ thuật và nghệ thuật hóa nội dung. Nhưng đỉnh cao lại thường là hiếm hoi. Sự tồn tại của văn học trong tổng thể và trên mặt bằng chung là đóng góp của số đông, của nhiều người, nhiều thế hệ nhà văn. Ở mặt bằng chung, một sự kết hợp viên mãn giữa nội dung và hình thức là khó thực hiện. Nội dung nào hình thức ấy, cố nhiên là điều thường tình, chỉ có sự viên mãn trong kết hợp ở đỉnh cao mới là điều khó thực hiện. Do vậy mà thường xuyên có sự so lệch. Sự quan tâm đến nội dung, chất liệu, đối tượng, đề tài... nói cách khác sự quan tâm đến câu hỏi "Viết cái gì?" bao giờ cũng phải đặt ở vế trước câu hỏi: "Viết như thế nào?", là câu hỏi thuộc phạm vi hình thức, nghệ thuật. Và cả hai, trong sự phát triển của văn học cách mạng, văn học hiện thực XHCN lại phải được đặt sau câu hỏi số một: "Viết cho ai?"

Một sự sắp xếp theo trật tự như trên là có lý do khách quan. Giai cấp vô sản và quần chúng lao động trong lâu dài của lịch sử, số đông bị chìm trong tối tăm và đói khổ cần một nền văn chương với nội dung nói lên các nguyện vọng thiết thân của họ, và với hình thức sao cho giản dị,

dễ hiểu. Những giá trị tuyên truyền và hiệu quả phổ cập trở thành yêu cầu quan trọng số một trong mục tiêu theo đuổi và trong hệ giá trị của văn học vô sản và văn học hiện thực XHCN. Và như vậy giá trị văn học có lúc gần như trùng khớp với giá trị cổ động, tuyên truyền. Những gì đi quá xa vào các đặc trưng đa nghĩa của văn chương, thám sâu vào nhiều tầng của văn bản đều ít được quan tâm, và ra ngoài bảng giá trị. Sự xác nhận xu thế đó từng được đúc gọn trong một mệnh đề quan trọng: "Đề tài, chủ đề, cách thể hiện rõ ràng đó là một biểu hiện của tính Đảng và tính nhân dân trong văn nghệ ta" (1, tr.114).

Trong sự phát triển ở các giai đoạn sau của nền văn học- nghệ thuật mới đã dần dần đặt ra yêu cầu vươn lên những đỉnh cao với sự kết hợp một trăm phần trăm cho các giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Nhưng trong khi triệt để phê phán những tìm tòi về hình thức của các xu hướng văn học hiện đại phương Tây, trong đó có cái được gọi là chủ nghĩa hình thức (formalisme), khi sự giao lưu với thế giới còn nhiều vùng bị hạn chế, khi trong nhận thức còn nhiều hẹp hòi và ngộ nhận, thì điều tự nhiên và cũng dễ hiểu là văn học hiện thực XHCN khó ghi được những diện mạo xuất sắc, những đỉnh cao rực rỡ như mong ước và trong đối sánh với nhân loại. Những đòi hỏi nhất trí về phương pháp hiện thực XHCN, tức là một sự nhất trí về hệ tư tưởng và thế giới quan quả không dễ dàng đem lại sự phong phú của các trường phái, khuynh hướng văn học. Còn về phong cách, nếu có được khuyến khích thì trong yêu cầu "nhất trí về phương pháp" cũng thật sự khó đạt được những gì thật độc đáo, thật mang đậm cá tính riêng trong sáng tạo. Tóm lại khi nêu yêu cầu gắn bó khăng khít nội dung và hình thức, tư tưởng và nghệ thuật, sự đòi

hỏi ấy cũng khó làm thay đổi tình thế chung là sự đơn điệu và tẻ nhạt ở không ít tác phẩm chính thống trong nền văn học hiện thực XHCN. Bởi lẽ trong tư tưởng chỉ đạo và trong hoạt động lý luận, phê bình thường đặt sự ưu tiên cho việc xác định văn học với tư cách một hình thái ý thức, một vũ khí đấu tranh giai cấp mà coi nhẹ mặt thứ hai của văn chương như một loại hình nghệ thuật của ngôn từ, đòi hỏi sự sáng tạo theo hướng cá thể hóa và nhằm mục tiêu thẩm mỹ. Những tìm tòi cách tân về ngôn ngữ, về thể loại, những dấu ấn sáng tạo của các bậc thợ cả, bậc thầy về văn chương, những áng văn không chỉ có giá ở chất đời, tình người mà còn thấm đượm bao vẻ đẹp của ngôn từ, nhạc điệu, hình ảnh... tất cả đều được xếp vào bình diện phụ và do vậy mà hiệu quả nghệ thuật đích thực của văn chương bỗng trở nên mờ nhạt hoặc quá vắng thiếu. *Dấu hiệu Đổi mới trong văn học ở thập niên cuối thế kỷ do vậy đã được đánh dấu bằng sự trở lại dần dần việc coi trọng các yếu tố hình thức, nghệ thuật, phong cách, giọng điệu;* hoặc nói cách khác bằng sự cân bằng trở lại mối quan tâm cả nội dung và hình thức, tư tưởng và nghệ thuật, trường phái và phong cách, chất liệu và giọng điệu... để nghệ thuật được đúng là nghệ thuật, để văn chương thực sự là văn chương, để mỗi người viết luôn luôn cảm thấy sự dày vò, đau khổ về ngôn từ như cách nói của M. Gorki là có thật - nó vốn là đặc trưng, là yêu cầu đích thực của văn chương. Và khi cả một nền văn học cùng các loại hình nghệ thuật được chuyển động theo hướng ấy, và khi sự so lệch trong những đối sánh với nhân loại bất ngờ được đặt ra trước cả một chân trời rộng rãi, ta mới thật sự có cơ sở để theo đuổi và thực hiện cái tỷ lệ một trăm phần trăm cho cả nội dung và hình thức - nghệ thuật đã hơn một lần được nhắc nhở.

Nếu tự do sáng tác nhìn chung đã

được bảo đảm, và nếu những quan niệm chật hẹp về nghệ thuật cơ bản đã được tháo gỡ, thì hẳn chắc chẳng còn lý do gì chính đáng để biện hộ cho nền văn học-nghệ thuật ngót 20 năm qua trong Đổi mới không đạt được các giá trị lớn, các đỉnh cao, như Đảng và nhân dân kỳ vọng?

Tôi nghĩ, nếu có trừ bì đi 10 năm cho những trần trở, tìm tòi, tranh luận chưa lúc nào là ngã ngũ...; nếu có cần loại đi 10 năm cho người viết và nghệ sĩ thoát ra khỏi những bối rối và khó khăn khi đất nước từ bỏ thể bao cấp để đến với nền kinh tế thị trường... thì thời Đổi mới vẫn còn dư trên dưới 10 năm cho mọi sáng tạo cá nhân, trên mọi lĩnh vực... Mười năm - không phải là ngắn!... Thế mà, nếu tính từ sau 1995, cho đến nay văn học- nghệ thuật vẫn chưa có được những sáng tác *xứng với thời của nó*; không nói đến những giá trị lớn, những đỉnh cao.

Lý do của thực trạng đó, theo tôi nghĩ cơ bản không nằm ở hoàn cảnh khách quan; vì sự thật là hoàn cảnh khách quan cho sự phát triển văn học-nghệ thuật vào lúc này theo tôi là thuận hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây - trong cả thế kỷ XX.

Như vậy chỉ còn lý do chủ quan - ở năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân người viết, mỗi cá thể văn nghệ sĩ - trên cả ba phương diện tài năng, tâm huyết (hoặc tình cảm) và tầm vóc - nói gọn lại đó là một công thức 3 T. (để học cách nói của nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện). Cả ba xem ra đều chưa hội đủ trong tất cả những tên tuổi, thuộc mọi lứa tuổi, hiện diện trong 10 năm qua; đặc biệt là trong giới trẻ. Tôi nói chưa hội đủ, tức là đã có nhưng còn thiếu; thiếu chứ không phải là không. Thiếu một mặt nào đấy trong ba mặt. Và thiếu một sự kết nối về số lượng để có thể làm nên một lực lượng, một đội

ngữ, nhằm bổ sung và thay thế cho các thể hệ đi trước, về cơ bản, nếu tính theo tư cách đội ngũ, thì họ đã làm xong nhiệm vụ lịch sử của mình rồi.

x
x x

Cuối cùng, tôi lại xin được trở lại vấn đề *giao lưu* và *phát triển* như đã được đặt ra ở phần đầu bài này, nó là điều kiện khách quan cho sự phát triển và thành tựu của văn học nghệ thuật, vào bất cứ thời nào.

Trên tổng thể, bức tranh về giao lưu văn học thế kỷ XX ở Việt Nam là một bước ngoặt, một chuyển đổi triệt để so với thế kỷ XIX, và cũng có thể nói so với cả 10 thế kỷ, từ khi có nền văn hóa Đại Việt, từ khi hình thành nền văn học cổ - trung đại Việt Nam trong ảnh hưởng Trung Hoa. Có thể nói những ảnh hưởng của văn học Trung Hoa trong suốt mười thế kỷ là cực kỳ sâu đậm. Nó tạo một nền học vấn và đạo lý, một vốn học thuật và văn thơ với các khuôn thức ổn định, với sự kế tục, liên tục của các hệ khoa cử và các thế hệ kẻ Sĩ. Những đặc sắc trong nội dung chuyên chở của văn thơ trên tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc diễn ra trên các đối sánh với văn học Trung Hoa từng xuất hiện, đặc biệt vào những thời kỳ đất nước phải chịu những thử thách quyết liệt để bảo vệ nền độc lập dân tộc; nhưng nhìn chung về khuôn thức, văn thể, ý hướng giáo dục và đạo lý là ổn định trong cùng một mô hình. Có thể nói hệ giao lưu văn học có tuổi thọ hàng ngàn năm ấy, sau hơn mười thế kỷ, cho đến những năm tận cùng thế kỷ XIX mới được thay thế bằng quan hệ với phương Tây: ở nửa đầu thế kỷ XX chủ yếu là văn học Pháp, ở nửa sau thế kỷ là Nga và Liên Xô (cũ) (ở miền Bắc) đồng thời là Tây Âu và Mỹ (ở miền Nam), nhưng dấu ấn ảnh hưởng của nó thì vẫn nằm trong phần tiềm thức của các thế hệ nhà văn,

bạn đọc và các giới quản lý - lãnh đạo.

Nhìn vào các định hướng chỉ đạo sự phát triển văn học và nhìn vào tâm thế tiếp nhận văn học của một bộ phận lớn công chúng, thì quả không khó thấy những ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, văn học Trung Hoa trong các kết quả giao lưu tuy có lúc là đứt đoạn.

Sau ảnh hưởng văn học Trung Hoa là ảnh hưởng văn học Pháp trong các kết quả giao lưu vào nửa đầu thế kỷ XX. Những cơ sở kinh tế theo hướng đô thị hóa, nền chính trị thuộc địa, nền giáo dục Pháp - Việt với công cụ ngôn ngữ là chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, sự du nhập của văn học Pháp vào đời sống sáng tác và các khu vực học đường... đã tạo nên những ảnh hưởng và ghi những dấu ấn thật sâu đậm, làm thay đổi nhanh chóng nền văn học Việt Nam, đưa lại cho nó màu sắc và tính chất hiện đại; nói cách khác, đã nhanh chóng đưa văn học Việt Nam vào quỹ đạo văn học thế giới hiện đại. Những ảnh hưởng của văn học Pháp có thể nói là không kém sâu sắc, có vậy nó mới tạo được bước ngoặt và sự ngắt đoạn triệt để đến thế với văn học truyền thống, làm ngơ ngẩn và choáng váng cho cả một thế hệ trí thức nhà Nho trong buổi giao thời, từ Tú Xương đến Tản Đà..., và tạo một chuyển đổi nhanh gấp và dứt khoát, để có được hình hài trọn vẹn như nó đã có từ sau 1930.

Những ảnh hưởng của văn học Pháp thông qua hệ thống học đường, thông qua một thế hệ trí thức Tây học nhận thức sâu sắc sự bảo thủ, trì trệ, hủ lậu của nền văn chương, học thuật cũ; và cuối cùng, hoặc trước hết, thông qua sự chuyển động theo hướng đô thị hóa của nền kinh tế, chính trị thuộc địa, là rất sâu đậm. Những ảnh hưởng đó không chỉ chiếm vị trí chủ đạo vào nửa đầu thế kỷ XX, mà vẫn còn tiếp tục tác động trong suốt nửa thế kỷ sau, dấu chiếc cầu giao lưu trực tiếp do chiến

tranh đã hoàn toàn bị đứt đoạn.

Ảnh hưởng của các mối giao lưu với văn học Nga, văn học Xô Viết và văn học phe XHCN có vai trò chủ đạo đối với đời sống văn học miền Bắc trong bốn thập niên giữa thế kỷ XX tính từ sau 1945. Các kết quả của giao lưu là sự tiếp tục những gì đã được ghi nhận vào nửa đầu thế kỷ - giúp cho sự ổn định của văn chương trên con đường hiện đại hóa; nhưng do hoàn cảnh chiến tranh và do định hướng đấu tranh giữa hai phe, nên hình thái giao lưu trong tình hình đối lập giữa hai phe là một chiều; chỉ chấp nhận một phía với các nguyên tắc chặt chẽ và chặt chội về hệ ý thức và thế giới quan (miền Bắc) hoặc là buông lỏng cho những tìm kiếm cá nhân (miền Nam). Hướng trực tiếp vào các mục tiêu phục vụ chính trị, nhận thức sự gắn bó văn học với đời sống và các nhiệm vụ cách mạng, văn học miền Bắc XHCN tạo được một sự nhất trí cơ bản trên các định hướng chính trị, tư tưởng. Thế nhưng do ít có các mối liên hệ rộng rãi với thế giới mà vẫn bị bó chặt trong “phe”, có mặt kỳ thị với những gì ngoài “phe”, ngoài khu vực “cách mạng” và “XHCN” nên thiếu đi sự phóng khoáng, đa dạng của văn chương với tư cách một lĩnh vực của nghệ thuật, một kiểu nghệ thuật của ngôn từ, và có phần xa lạ với những vấn đề của đời sống hậu công nghiệp, những vấn đề có tính toàn cầu.

Cuộc giao lưu mới vào cuối thế kỷ XX, sau khi đất nước thống nhất, khi Việt Nam muốn làm bạn với cả thế giới, sẽ là một giao lưu hướng về nhiều chân trời, tuy đã được mở, được nói rộng các đường biên, nhưng không tránh khỏi còn bị che phủ bởi ít nhiều sương mù; những chân trời vừa đầy hứa hẹn vừa chứa nhiều bí ẩn và có cả hiểm họa. Văn học nghệ thuật trong ngót hai thập niên qua đã có những dấu hiệu mới như là hệ quả của chính sự

giao lưu trên, trên tất cả các lĩnh vực của sáng tác, lý luận, phê bình và đời sống văn hóa, văn nghệ nói chung. Các thứ chủ nghĩa, trường phái, trào lưu văn học hiện đại phương Tây mà suốt non nửa thế kỷ sau 1945, trên miền Bắc, không ngừng bị phê phán như là những “cái nắm sặc sỡ trên thân cây gỗ mục của văn hóa đế quốc chủ nghĩa”, như là các “sản phẩm điên loạn nhất, bết tắc nhất của xã hội tư sản dấy chết”(2)...; những chủ nghĩa (isme) đó đang dần dần được nhận lại gương mặt và vóc dáng của nó, để có quyền tồn tại, và đang triển khai sự ganh đua và khả năng thâm nhập của nó trên các khu vực văn chương, hội họa, âm nhạc, kiến trúc, điện ảnh. Những tìm tòi đổi mới văn chương trên các lĩnh vực của chủ nghĩa Hiện đại, rồi Hậu Hiện đại mà văn học phương Tây đã đi qua như một hiện tượng thế giới và ghi đậm dấu ấn trong văn học nhiều khu vực như vấn đề thân phận con người, nỗi lo âu của thế kỷ, văn chương tư tưởng và văn chương triết lý, kịch phi lý, dòng ý thức và các tầng tiềm ẩn của thế giới tâm linh... cũng đã xuất hiện và đã có quyền tồn tại trong văn học. Những cuộc tranh cãi, thậm chí gay gắt đã diễn ra, và vẫn sẽ còn diễn ra, hẳn là điều tự nhiên, vì bất cứ cái mới nào sinh ra cũng là trên cơ sở phủ định cái cũ, phải giành phần đất sống với cái cũ; và vì bất cứ cơn gió lạ nào xuất hiện, nếu có tạo sự thông thoáng thì cũng dễ làm rùng mình hoặc gây tai nạn, trước hết cho những ai quen đóng chặt cửa, những ai chưa quen gió máy, hoặc ít được thấy những vùng không gian khoáng đãng.

Nhìn riêng vào văn học thì những dấu ấn của Chủ nghĩa Hiện đại và Hậu Hiện đại cũng đã có nhiều ngã đường để thâm nhập vào sáng tác của một bộ phận thế hệ trẻ. Dẫu chưa có được sự mạnh mẽ và táo bạo như hội họa và âm nhạc, văn

học (gồm cả sáng tác và lý luận- phê bình) cũng không quá tụt hậu so với thời đại, để có thể tiếp cận và tiếp nhận những biểu hiện mới của các trào lưu sáng tác hiện đại, không chỉ riêng ở phương Tây. Thế nhưng, tất cả những tìm tòi đó vẫn còn mang tính chất thăm dò, thử nghiệm. Nó chưa tạo được một xu thế mạnh mẽ - bởi theo tôi, ở ta, cho đến bây giờ vẫn chưa có cơ sở kinh tế và xã hội cho một biến đổi về đời sống tinh thần có tác động sâu sắc đến cảm hứng và tư duy nghệ thuật của cả người viết và người đọc. Nếu người đọc phổ thông ở ta vẫn còn xa lạ (chứ không phải là đổ kỵ hoặc chối bỏ) với những tìm tòi theo kiểu phương Tây hiện đại, thì người viết của ta ở lứa tuổi trung niên trở lên vẫn chỉ quen với cách trang bị của chủ nghĩa hiện thực và trữ tình truyền thống...

Nếu trong thơ, cách đi tìm “bóng chữ” và săn đuổi các ký hiệu thay cho cảm xúc và vần điệu; nếu trong tiểu thuyết không còn cốt truyện và nhân vật; hoặc nhân vật chỉ còn một cái tên K., hoặc biến thành sâu bọ như nhân vật của F. Kafka, hoặc mang một cái đuôi lợn như nhân vật của G. G. Marquez... thì hẳn chắc tác giả rất khó lòng tìm được tri âm và tri kỷ với mình nơi số đông trong thế giới người đọc.

Xét về đội ngũ tôi cho rằng, chúng ta vẫn còn chưa có một thế hệ tiếp tục, ở lứa tuổi trẻ, thậm chí rất trẻ - ở tuổi 20; một thế hệ không còn là sản phẩm của chiến tranh, của chủ nghĩa thực dân mới và của CNXH, kể cả CNXH thời bao cấp, mà là sản phẩm của chính cái thời chúng ta đang sống hôm nay. Là sản phẩm của hôm nay, họ cần hiểu về lịch sử, nhưng không được nấp dưới bóng lịch sử; họ tôn trọng giá trị của cha anh, nhưng không chịu những ràng buộc và hệ lụy với quá khứ như cha anh. Một thế hệ trẻ như thế, cần phải xuất hiện không phải ở tư cách cá nhân riêng lẻ, đơn độc, mà phải tìm đến nhau,

hội được vào nhau, và cùng nhằm vào một đích đến, ở thời điểm chín của nó, trong tư cách một đội ngũ, để có thể hình thành một thế trận hoành tráng như đã ba lần diễn ra trong thế kỷ XX. Đó là thời kỳ 1930-1945 hoàn thiện diện mạo hiện đại của văn học nghệ thuật dân tộc, mới chỉ sau 30 năm khởi động. Đó là thời kỳ 1960-1975, văn học- nghệ thuật làm tròn được một sứ mệnh thiêng liêng: bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám, và đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Và thời kỳ nửa đầu 80 đến nửa đầu 90 xứng đáng đóng được vai trò tiền trạm và khởi động cho công cuộc Đổi mới.

Còn bây giờ là mở đầu thế kỷ XXI. Khi sự nghiệp Đổi mới đã có một hành trình ngót 20 năm. Ngược về trước gần một thế kỷ, đó là thời kỳ cả nước sục sôi trong ngọn lửa Duy tân - “Buổi diễn thuyết người đông như hội. Kỳ bình văn khách tới như mưa”. Là thời kỳ cả nước gần như cùng có chung khát vọng triệt để dứt bỏ những gì gọi bằng hủ lậu, để tiếp cận với tri thức hiện đại phương Tây và mở rộng tầm nhìn của dân tộc.

1905 - năm thành lập Hội Duy tân; và tiếp đó chỉ hai năm sau, khai mạc trường Đông Kinh nghĩa thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh. Bài nói tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III, 12-1962 trong cuốn *Về Văn hóa và nghệ thuật*. Tập II. Nxb. Văn học, 1986.
2. Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam; 1948; in lại trong *Về văn hóa và nghệ thuật*. Tập I. Nxb. Văn học, H. 1985.